TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2026
"V/v Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thảo Ngoan**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Gần

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Khởi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10- Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc Đức, Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025, về việc "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị L**, năm sinh 1989.
Địa chỉ: ấp C, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông **Phạm Văn B**, sinh năm 1983.
Địa chỉ: ấp C, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày và yêu cầu như sau:

Bà Trần Thị L và ông Phạm Văn B xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (cũ) vào ngày 04/10/2019 theo giấy đăng ký kết hôn số 64/2019. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có 01 con chung là cháu Phạm Thị Ngọc Y, sinh ngày 15/11/2019, hiện đang sống với mẹ. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà không có tạo lập tài sản chung, không có nợ chung. Tuy nhiên vào khoảng 03 năm nay do phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên

cự cải đã đến mức trầm trọng nên nguyên đơn mất niềm tin trong hôn nhân nên giữa vợ chồng đã sống ly thân đến nay không có liên lạc. Nay bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn B.

- Về con chung: có 01 con chung là cháu Phạm Thị Ngọc Y, sinh ngày 15/11/2019, hiện đang sống với bà Trần Thị L, bà L có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu ông Phạm Văn B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Văn B đều vắng mặt các lần triệu tập của Tòa án nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Trần Thị L và bị đơn ông Phạm Văn B xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (cũ) vào ngày 04/10/2019 theo giấy đăng ký kết hôn số 64/2019 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị L và ông Phạm Văn B là hợp pháp.

Nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa bà với ông Phạm Văn B thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên giữa vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân hơn 03 năm nay cho đến nay không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử thấy căn cứ vào lời khai của bà L cùng với việc trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông B để hòa giải nhằm làm rõ mâu thuẫn giữa hai bên để tìm giải pháp cho hai bên thỏa thuận, đoàn tụ với nhau nhưng ông B vắng mặt, như vậy chứng tỏ ông B không có ý chí muốn đoàn tụ với bà L. Ngoài ra, trong thời gian sống ly thân hai bên đương sự không tạo điều kiện cho nhau để cải thiện quan hệ vợ chồng, khắc phục sai lầm, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Vậy nên, Hội đồng xét xử nhận thấy sự việc mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trần Thị L và ông Phạm Văn B đã trở nên trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu nhưng không thể hàn gắn tình cảm nên việc bà L yêu cầu ly hôn với ông B là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung là cháu Phạm Thị Ngọc Y, sinh ngày 15/11/2019, hiện đang sống ổn định với bà Trần Thị L, bà L có nguyện vọng nuôi con

và không yêu cầu ông Phạm Văn B cấp dưỡng nuôi con, nghĩ nên giao con chung chưa thành niên cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Dành cho đương sự một vụ kiện khác về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật nếu có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nguyên đơn có nghĩa vụ chịu án phí là 300.000 đồng.

Từ những nhận định trên, xét thấy quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 91, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Phạm Văn B.

Về con chung: Giao con chung Phạm Thị Ngọc Y, sinh ngày 15/11/2019 cho bà Trần Thị L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông Phạm Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Dành cho đương sự một vụ kiện khác về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật nếu có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0008833 ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 – Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, phải thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 10-Vĩnh Long;
- THADS Khu vực 10-Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thảo Ngoan